

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH  
KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY  
31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Sỹ Thắng  
Ông Đoàn Văn Nhuộm  
Ông Vũ Quý Hiệu  
Bà Nguyễn Minh Ngọc  
Ông Hà Anh Tuấn

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đoàn Văn Nhuộm  
Ông Hà Anh Tuấn  
Ông Trần Văn Nghi  
Ông Vũ Quý Hiệu  
Ông Trần Thanh Nam

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đoàn Văn Nhuộm**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 2 năm 2013





Số: 0233 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2013 từ trang 3 đến trang 29. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của riêng Công ty, do đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc.



Lê Chí Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN (100=110+130+140+150)</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>857.193.806.731</b>	<b>941.333.788.248</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>251.630.371.077</b>	<b>235.097.611.466</b>
1. Tiền	111		251.630.371.077	235.097.611.466
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>531.047.742.717</b>	<b>622.922.810.787</b>
1. Phải thu khách hàng	131		502.614.790.700	532.345.726.098
2. Trả trước cho người bán	132		5.924.603.848	44.933.713.693
3. Các khoản phải thu khác	135		22.619.480.295	46.048.973.873
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(111.132.126)	(405.602.877)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>65.774.745.375</b>	<b>46.902.552.965</b>
1. Hàng tồn kho	141		65.774.745.375	46.902.552.965
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.740.947.562</b>	<b>36.410.813.030</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.711.513.336	6.987.870.507
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		224.541.872	18.643.107.029
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	798.691.255
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.804.892.354	9.981.144.239
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.353.800.123.748</b>	<b>1.496.617.488.049</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>773.668.292.177</b>	<b>826.608.520.685</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	601.620.410.032	596.351.249.092
- Nguyên giá	222		827.961.327.994	726.817.937.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.340.917.962)	(130.466.688.606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>8</b>	143.461.707.347	175.297.726.500
- Nguyên giá	225		191.328.142.418	191.275.405.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.866.435.071)	(15.977.678.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	14.471.817.616	14.977.880.877
- Nguyên giá	228		15.636.973.639	15.636.973.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.165.156.023)	(659.092.762)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	14.114.357.182	39.981.664.216
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>364.860.026.582</b>	<b>471.425.864.552</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>11</b>	301.244.318.080	310.989.402.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>12</b>	14.307.460.000	64.307.460.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>13</b>	80.000.000.000	100.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>14</b>	(30.691.751.498)	(3.870.997.448)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>215.271.804.989</b>	<b>198.583.102.812</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>15</b>	195.213.252.614	182.000.016.568
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>16</b>	3.420.466.131	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		16.638.086.244	16.583.086.244
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.210.993.930.479</b>	<b>2.437.951.276.297</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.508.788.558.156</b>	<b>1.830.527.438.001</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.213.894.030.879</b>	<b>1.293.341.299.448</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	391.090.516.953	311.045.425.815
2. Phải trả người bán	312		755.196.200.844	868.205.401.614
3. Người mua trả tiền trước	313		397.153.939	2.607.049.556
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	17.392.002.123	533.448.893
5. Phải trả người lao động	315		12.314.185.181	9.492.525.213
6. Chi phí phải trả	316		14.096.784.673	19.861.747.841
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	13.880.471.298	75.762.751.431
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.526.715.868	5.832.949.085
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>294.894.527.277</b>	<b>537.186.138.553</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	39.835.785.135	40.176.758.681
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	255.058.742.142	495.912.309.956
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.097.069.916
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>702.205.372.323</b>	<b>607.423.838.296</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>702.205.372.323</b>	<b>606.988.838.296</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.594.384.212	45.594.384.212
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		134.522.738.960	105.438.557.128
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.779.215.612	19.393.592.261
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		115.309.033.539	56.562.304.695
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>435.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	435.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.210.993.930.479</b>	<b>2.437.951.276.297</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Ngoại tệ các loại**

- USD

8.235,66

11.786,38

- EUR

1.122,38

90,51

Lưu Trọng Nghĩa

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Nguyễn Đăng Trình

Kế toán trưởng

Đoàn Văn Nhuộm

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	5.416.162.037.591	4.941.464.537.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	29.457.947.432	43.322.664.729
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.386.704.090.159	4.898.141.872.493
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	4.791.650.322.657	4.307.143.780.828
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		595.053.767.502	590.998.091.665
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	102.486.191.756	34.366.805.267
7. Chi phí tài chính	22	28	120.214.555.012	107.100.407.893
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		92.568.390.734	92.502.972.355
8. Chi phí bán hàng	24		356.416.684.486	309.809.615.792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.690.805.120	69.541.577.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		163.217.914.640	138.913.296.073
11. Thu nhập khác	31		26.800.853.017	21.371.384.746
12. Chi phí khác	32		21.504.781.405	16.993.410.422
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	29	5.296.071.612	4.377.974.324
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		168.513.986.252	143.291.270.397
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	17.846.548.238	15.029.659.167
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.420.466.131)	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		154.087.904.145	128.261.611.230


**Lưu Trọng Nghĩa**

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 2 năm 2013


**Nguyễn Đăng Trình**

Kế toán trưởng

**Đoàn Văn Nhuộm**

Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	168.513.986.252	143.291.270.397
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	131.039.198.844	100.562.441.630
Các khoản dự phòng	03	26.526.283.299	2.566.265.976
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.391.607.654	614.335.069
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(101.564.759.291)	(36.750.879.809)
Chi phí lãi vay	06	92.568.390.734	92.502.972.355
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	318.474.707.492	302.786.405.618
Biến động các khoản phải thu	09	102.573.119.218	(39.447.271.675)
Biến động hàng tồn kho	10	(18.872.192.410)	44.809.673.619
Biến động các khoản phải trả	11	(120.193.426.818)	3.105.880.393
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	(18.069.021.204)	(42.467.286.242)
Tiền lãi vay đã trả	13	(98.293.724.505)	(80.523.271.425)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.584.752.886)	(48.989.301.518)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	210.000.000	435.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.271.053.104)	(23.373.568.247)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>154.973.655.783</b>	<b>116.336.260.523</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(92.043.826.208)	(297.487.218.991)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	22	18.078.218.519	12.364.827.517
3. Góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(94.238.716.270)
4. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	79.745.083.920	1.992.518.279
5. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.293.538.338	7.935.541.749
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>111.073.014.569</b>	<b>(369.433.047.716)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	264.989.004.212
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	511.688.516.127	652.502.673.506
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(645.746.752.418)	(469.057.145.404)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(28.155.301.644)	(35.841.449.861)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(87.302.354.600)	(73.397.177.922)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(249.515.892.535)</b>	<b>339.195.904.531</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>16.530.777.817</b>	<b>86.099.117.338</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>235.097.611.466</b>	<b>148.985.356.533</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>1.981.794</b>	<b>13.137.595</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>251.630.371.077</b>	<b>235.097.611.466</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 6.220.622.247 đồng (2011: 14.724.348.051 đồng) là số tiền chi cho mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Một phần cổ tức với số tiền là 441.494.187 đồng (năm 2011: 45.943.848.787 đồng) chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Lưu Trọng Nghĩa**  
Người lập biểu  
Ngày 28 tháng 2 năm 2013



**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuộm**  
Tổng Giám đốc

500-  
NHÀ  
NG T  
HIỆM H  
OIT  
T NA  
TP. HỒ



# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi ngày 24 tháng 2 năm 2011 với vốn điều lệ Công ty được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có các công ty con bao gồm Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam và Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông. Ngoài ra Công ty có các chi nhánh tại Cần Thơ, Nha Trang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Gia Lai, Quảng Ngãi và Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 351 người (31 tháng 12 năm 2011: 319 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm: Mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản cho vay dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi có tài sản được hình thành xong và đưa vào sử dụng.

509

NG

PH

DO

DA

VN

P. HỒ

0100112

CHI

CƠ

TRÁCH NH

DEL

VIỆ

N 1 - T



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các đơn vị này.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Giá trị còn lại của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas.

7230  
TY  
AN  
INH  
ON  
AM  
CH00-  
NHAI  
G T  
IEM H  
OIT  
NA  
HO



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CHÍNH  
C. T. C. P  
MINH

02-C.T.  
H  
Y  
TU HAN  
TE  
M  
CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	5.513.307.094	4.309.217.710
Tiền gửi ngân hàng	246.117.063.983	230.653.977.614
Tiền đang chuyển	-	134.416.142
	<b>251.630.371.077</b>	<b>235.097.611.466</b>

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – chi nhánh Phan Đình Phùng đã phong tỏa số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty ở Ngân hàng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 10 tỷ đồng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 1607LAV201000261 ngày 6 tháng 4 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 1607LAV201000751 ngày 29 tháng 9 năm 2010.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	8.004.628.370	28.924.672.696
Nguyên liệu, vật liệu	3.777.563.093	4.552.899.998
Công cụ, dụng cụ	22.187.085.168	985.141.169
Hàng hóa	31.805.468.744	12.439.839.102
	<b>65.774.745.375</b>	<b>46.902.552.965</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**  
Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUỒN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2012	306.928.824.392	399.784.963.987	15.193.199.870	3.665.357.305	1.245.592.144	726.817.937.698
Mua sắm mới	1.109.362.255	11.868.255.369	-	578.785.802	-	13.556.403.426
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	21.541.506.232	83.824.226.453	-	-	-	105.365.732.685
Phân loại lại	(21.794.693.236)	21.794.693.236	-	-	-	-
Phân loại từ chi phí trả trước, hàng tồn kho	1.182.882.293	2.420.078.760	-	170.882.272	-	3.773.843.325
Thanh lý, nhượng bán	(1.054.228.246)	(20.143.220.134)	(133.236.687)	-	-	(21.330.685.067)
Giảm khác	(221.904.073)	-	-	-	-	(221.904.073)
Tại ngày 31/12/2012	<b>307.691.749.617</b>	<b>499.548.997.671</b>	<b>15.059.963.183</b>	<b>4.415.025.379</b>	<b>1.245.592.144</b>	<b>827.961.327.994</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2012	46.244.331.901	74.616.958.023	7.100.673.053	2.049.932.907	454.792.722	130.466.688.606
Trích trong năm	18.549.348.850	76.725.663.317	2.228.143.250	875.781.990	265.441.967	98.644.379.374
Phân loại lại	(1.846.561.616)	1.846.561.616	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(332.321.885)	(2.362.940.201)	(74.887.932)	-	-	(2.568.024.972)
Tại ngày 31/12/2012	<b>62.614.797.250</b>	<b>150.826.242.755</b>	<b>9.253.928.371</b>	<b>2.925.714.897</b>	<b>720.234.689</b>	<b>226.340.917.962</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2012	<b>245.076.952.367</b>	<b>348.722.754.916</b>	<b>5.806.034.812</b>	<b>1.489.310.482</b>	<b>525.357.455</b>	<b>601.620.410.032</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>260.684.492.491</b>	<b>325.168.005.964</b>	<b>8.092.526.817</b>	<b>1.615.424.398</b>	<b>790.799.422</b>	<b>596.351.249.092</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 4.607.155.754 đồng (31/12/2011: 3.515.054.068 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 189.426.218.320 đồng (31/12/2011: 189.426.218.320 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1607 LAV 201000261 ngày 6 tháng 4 năm 2010, Hợp đồng tín dụng số 1607 LAV 201000751 ngày 29 tháng 9 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010, để đảm bảo cho các khoản tín dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	189.754.170.362	1.521.235.000	191.275.405.362
Thuê tài chính trong năm	52.737.056	-	52.737.056
Tại ngày 31/12/2012	189.806.907.418	1.521.235.000	191.328.142.418
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	14.864.610.776	1.113.068.086	15.977.678.862
Khấu hao trong năm	31.635.217.047	253.539.162	31.888.756.209
Tại ngày 31/12/2012	46.499.827.823	1.366.607.248	47.866.435.071
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	143.307.079.595	154.627.752	143.461.707.347
Tại ngày 31/12/2011	174.889.559.586	408.166.914	175.297.726.500

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2012 và ngày 31/12/2012	14.045.372.678	1.464.370.376	127.230.585	15.636.973.639
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2012	289.987.380	241.874.797	127.230.585	659.092.762
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	-	506.063.261
Tại ngày 31/12/2012	633.342.821	404.582.617	127.230.585	1.165.156.023
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2012	13.412.029.857	1.059.787.759	-	14.471.817.616
Tại ngày 31/12/2011	13.755.385.298	1.222.495.579	-	14.977.880.877

Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chỉ bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn là 38 năm và 50 năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.036.774.678 đồng (31/12/2011: 2.036.774.678 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010, để đảm bảo cho các khoản tín dụng.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	39.981.664.216	37.210.409.585
Tăng thêm trong năm	85.221.953.279	104.921.962.656
Kết chuyển sang hàng tồn kho	(51.606.356)	(137.247.948)
Kết chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh	(102.162.611)	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.569.758.661)	(17.504.828.090)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(105.365.732.685)	(73.784.995.106)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(9.887.598.000)
Giảm khác	-	(836.038.881)
	14.114.357.182	39.981.664.216



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	31/12/2012 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	57,47%%	57,47%%	137.748.402.000	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	55%	55%	63.495.916.080	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	100.000.000.000	Kinh doanh khí hóa lỏng
				<b>301.244.318.080</b>	

Trong năm, Công ty đã nhận được từ Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - Công ty con của Công ty số tiền cổ tức phát sinh trước ngày mua công ty này là 9.745.083.920 đồng. Vì vậy, số tiền này đã được ghi giảm khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	31/12/2012 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	20%	20%	14.307.460.000	Sản xuất, kinh doanh vỏ bình
				<b>14.307.460.000</b>	

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bình khí dầu khí Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2010 về việc thống nhất thành lập công ty cổ phần. Tổng số vốn Công ty cam kết góp là 14.307.460.000 đồng, tỷ lệ vốn góp là 20%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ vốn.

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng chiếm 24% vốn điều lệ theo tiến độ thời gian là 3 năm. Trong năm 2012, do Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tăng vốn điều lệ, do đó tỉ lệ vốn góp của Công ty giảm còn 14% nên khoản đầu tư này được phân loại là khoản đầu tư dài hạn khác thay vì là đầu tư vào công ty liên kết như năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ số vốn góp đã cam kết.

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Đầu tư tài chính dài hạn khác</b>		
Công ty CP Năng lượng Vinabenny	50.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	30.000.000.000	100.000.000.000
	<b>80.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

Đầu tư dài hạn khác vào công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng miền Đông thể hiện khoản tiền Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông vay trong vòng 2 năm, lãi suất bằng 75% lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng theo tiến độ thời gian là 3 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công ty đã góp đủ vốn.

**14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty CP Năng lượng Vinabenny (*)	30.408.652.845	3.587.898.795
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	283.098.653	283.098.653
	<b>30.691.751.498</b>	<b>3.870.997.448</b>

(\*) Theo quyết định số 109/QĐ-KMD ngày 7 tháng 2 năm 2013 của Tổng giám đốc, Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản đầu tư tại Công ty CP Năng lượng Vinabenny.

	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn VND
Tại ngày 1/1/2012	3.870.997.448
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	26.820.754.050
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>30.691.751.498</b>

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	109.726.607.157	96.949.702.589
Trả trước tiền thuê đất (2)	9.905.213.672	13.001.714.929
Trả trước thuê văn phòng (3)	45.406.200.515	46.357.115.711
Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	11.572.396.189	16.709.007.026
Chi phí cải tạo văn phòng ở Nha Trang	7.349.186.533	6.685.078.225
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.253.648.548	2.297.398.088
	<b>195.213.252.614</b>	<b>182.000.016.568</b>

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	96.949.702.589	164.499.404.982
Tăng thêm trong năm	32.584.741.818	123.506.818.302
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(17.364.191.906)	(24.503.944.959)
Chuyển cho Miền Đông	(1.280.760.000)	(163.648.726.566)
Thanh lý	(1.162.885.344)	(2.903.849.170)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>109.726.607.157</b>	<b>96.949.702.589</b>

(2) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất tại kho Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 9.210m2 được trả trước 5 năm cho Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2008;
- Tiền thuê đất kho Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 2.270 m2 được trả trước 2 năm cho Công ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 16 5 năm kể từ ngày 01/02/2012 đến hết ngày 31/07/2028.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A phản ánh số tiền thuê 6.675 m2 trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008; và
  - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m2 trả trước cho Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009 đến năm 2044.
- (3) Tiền thuê văn phòng trả trước phản ánh số tiền thuê 670,02 m2 được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010.

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả VND	Các khoản dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2012	-	-	-
Ghi nhận trong năm	67.871.875	3.352.594.256	3.420.466.131
Tại ngày 31/12/2012	<u>67.871.875</u>	<u>3.352.594.256</u>	<u>3.420.466.131</u>

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng bưu điện Liên Việt (1)	50.000.000.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) – chi nhánh Sài Gòn	-	101.301.311.006
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (2)	40.000.000.000	-
Ngân hàng TMHH MTV Hong Leong Việt Nam (3)	10.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	261.510.407.459	181.763.782.405
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	29.580.109.494	27.980.332.404
	<u>391.090.516.953</u>	<u>311.045.425.815</u>

- (1) Tại ngày 27 tháng 9 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 02112/TB-HĐTD với Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình, thời gian rút vốn là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ cụ thể: từ ngày 21 tháng 11 năm 2012 đến ngày 21 tháng 2 năm 2013. Tổng mức cam kết giải ngân theo hợp đồng là 50 tỷ đồng và đã được giải ngân hết trong năm 2012. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 12%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Bên vay sẽ thanh toán lãi hàng tháng. Vốn gốc được thanh toán một lần khi đáo hạn. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (2) Tại ngày 29 tháng 10 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/CV-0147/KH/12NH với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng, thời gian rút vốn là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ cụ thể: từ ngày 26 tháng 12 năm 2012 đến ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tổng mức cam kết giải ngân theo hợp đồng là 100 tỷ đồng và 40 tỷ đã được giải ngân trong năm 2012. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng kể từ ngày thực tế rút vốn vay theo từng giấy nhận nợ. Bên vay sẽ thanh toán lãi hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (3) Tại ngày 18 tháng 5 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số HCM/2012/015/TTTD với Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, thời gian rút vốn là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo các khế ước nhận nợ: từ ngày 26 tháng 12 năm 2012 đến ngày 9 tháng 1 năm 2013. Tổng mức cam kết giải ngân theo hợp đồng là 100 tỷ đồng. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Lãi suất kỳ đầu tiên là 14%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Bên vay sẽ thanh toán lãi hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.474.823.617	-
Thuế nhập khẩu	-	13.892.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.463.104.097	-
Thuế thu nhập cá nhân	454.074.409	519.556.648
	<b>17.392.002.123</b>	<b>533.448.893</b>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2011 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	808.666.758.070	(806.191.934.453)	2.474.823.617
Thuế nhập khẩu	13.892.245	1.088.531.088	(1.102.423.333)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17.846.548.238	(3.383.444.141)	14.463.104.097
Thuế thu nhập cá nhân	519.556.648	4.338.518.823	(4.404.001.062)	454.074.409
<b>Tổng cộng</b>	<b>533.448.893</b>	<b>831.940.356.219</b>	<b>(815.081.802.989)</b>	<b>17.392.002.123</b>
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước		533.448.893		17.392.002.123

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chiết khấu bán hàng	4.871.003.070	901.025.088
Kinh phí công đoàn	814.385.313	37.100.939
Bảo hiểm y tế	70.655.629	33.490.057
Cổ tức phải trả	441.494.187	45.943.848.787
Quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi chuyển cho Miền Đông	-	9.924.762.376
Tiền nhận đầu tư văn phòng từ CNG Việt Nam	5.687.000.000	5.687.000.000
Các khoản khác	1.995.933.099	13.235.524.184
	<b>13.880.471.298</b>	<b>75.762.751.431</b>

**20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	40.176.758.681	64.751.809.782
Tăng thêm trong năm	8.978.089.998	23.973.710.965
Nhận bán giao khí giải thể công ty con	-	12.413.054.619
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(7.197.290.554)	(11.151.252.683)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas với khách hàng	(1.784.217.083)	(48.000.000)
Kết chuyển vào thu nhập khác(**)	(337.555.907)	(1.627.056.004)
Chuyển tài sản để đầu tư vào Công ty con - Miền Đông	-	(48.135.507.998)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>39.835.785.135</b>	<b>40.176.758.681</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(\*) Kết chuyển tiền nhận được từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng. Tổng giá trị tiền ký cược vỏ bình gas được ghi nhận vào doanh thu trong năm 2012 là 7.197.290.554 đồng (trong năm 2011 là 11.151.252.683 đồng).

(\*\*) Theo Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010, kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010, tiền ký quỹ vỏ bình gas mới phát sinh được phân bổ vào thu nhập khác. Khoản tiền ký quỹ đã nhận được trước ngày 1 tháng 10 năm 2010 vẫn tiếp tục được phân bổ vào doanh thu trong kỳ.

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	173.383.333.334	386.170.338.541
Nợ thuê tài chính dài hạn	81.675.408.808	109.741.971.415
	<b><u>255.058.742.142</u></b>	<b><u>495.912.309.956</u></b>

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	153.333.333.334	175.000.000.000
PVFC- chi nhánh Sài Gòn	-	151.375.017.633
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Phan Đình Phùng	-	28.345.320.908
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội – Phòng giao dịch Tân Cảng	20.050.000.000	31.450.000.000
Công ty TNHH 1 thành viên cho thuê tài chính - Sacombank	32.687.838.463	42.195.777.736
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	20.507.654.947	27.502.028.487
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	26.244.339.904	36.597.652.969
Công ty TNHH Cho Thuê Tài chính Quốc Tế Chailease	2.235.575.494	3.446.512.223
	<b><u>255.058.742.142</u></b>	<b><u>495.912.309.956</u></b>

**Các khoản vay dài hạn**

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam. Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 406.450.000.000 đồng và 1.025.591 euro ( ngày 31 tháng 12 năm 2011: 511.234.350.966 đồng và 2.051.515 euro). Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay từ 8.3% đến 15%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG, các bồn chứa khí, các kho chứa LPG tại Dung Quất, Gò Dầu và để mua cổ phần của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Một số khoản vay theo hình thức tín chấp. Một số khoản vay được thế chấp bằng sổ dư tài khoản tiền gửi thanh toán (xem Thuyết minh số 5), nhà xưởng, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi của Công ty (xem Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 9), Hợp đồng ủy thác quản lý vốn để cho vay được ký giữa Công ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam và PVFC - Chi nhánh Sài Gòn, Hợp đồng ủy thác quản lý vốn để cho vay được ký giữa Công ty Cổ phần CNG Việt Nam và PVFC - Chi nhánh Sài Gòn.

**Nợ dài hạn**

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Sacombank, Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease, có thời hạn thuê là 5 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Sacombank chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% - 5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Á Châu cộng với 4,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê là 16,5% - 17%/năm. Lãi suất có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	261.510.407.459	181.763.782.405
Trong năm thứ hai	118.066.666.667	270.087.987.575
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	55.316.666.667	116.082.350.966
Sau năm năm	-	-
	<b>434.893.740.793</b>	<b>567.934.120.946</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh số 17 nợ ngắn hạn)	261.510.407.459	181.763.782.405
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>173.383.333.334</b>	<b>386.170.338.541</b>

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng 1 năm	44.519.961.256	49.793.368.067	29.580.109.494	27.980.332.404
Trong năm thứ 2	41.931.932.765	46.027.487.058	30.841.624.836	29.060.366.726
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	58.164.411.211	100.754.093.904	50.833.783.972	80.681.604.689
	<b>144.616.305.232</b>	<b>196.574.949.029</b>	<b>111.255.518.302</b>	<b>137.722.303.819</b>
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(33.307.963.040)	(58.852.645.210)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	111.308.342.192	137.722.303.819	111.255.518.302	137.722.303.819
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh số 17 nợ ngắn hạn)			(29.580.109.494)	(27.980.332.404)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b>81.675.408.808</b>	<b>109.741.971.415</b>

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Được phép phát hành và đã góp vốn đủ**

Số lượng (cổ phần)

Mệnh giá (đồng/cổ phần)

**Giá trị (đồng)****Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	%	31/12/2011 VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	134.000.000.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Cổ đông khác	246.000.000.000	64,74	246.000.000.000	64,74



**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*c thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Nguồn vốn kinh doanh VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Nguồn Kinh Phí VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	158.756.000.000	1.849.380.000	104.188.557.128	12.894.740.808	41.800.000.000	-	319.488.677.936
Tăng vốn trong năm	221.244.000.000	43.745.004.212	-	-	-	-	264.989.004.212
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	128.261.611.230	-	128.261.611.230
Tăng khác	-	-	-	-	-	435.000.000	435.000.000
Trích từ lợi nhuận	-	-	1.250.000.000	6.498.851.453	(7.748.851.453)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(18.350.455.082)	-	(18.350.455.082)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(87.400.000.000)	-	(87.400.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>45.594.384.212</b>	<b>105.438.557.128</b>	<b>19.393.592.261</b>	<b>56.562.304.695</b>	<b>435.000.000</b>	<b>607.423.838.296</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	154.087.904.145	-	154.087.904.145
Tăng khác	-	-	-	-	-	210.000.000	210.000.000
Trích từ lợi nhuận	-	-	29.084.181.832	7.385.623.351	(36.469.805.183)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.871.370.118)	-	(16.871.370.118)
Giảm khác	-	-	-	-	(200.000.000)	(645.000.000)	(845.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(41.800.000.000)	-	(41.800.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>45.594.384.212</b>	<b>134.522.738.960</b>	<b>26.779.215.612</b>	<b>115.309.033.539</b>	<b>-</b>	<b>702.205.372.323</b>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt chia cổ tức của năm 2011 với tổng số tiền là 87,4 tỷ đồng. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã công bố chia số cổ tức này cho các cổ đông trong năm 2011 và 2012 theo các nghị quyết số 10/NQ-KMN ngày 8 tháng 12 năm 2011 và nghị quyết số 05/NQ-KMN ngày 15 tháng 5 năm 2012 lần lượt với số tiền là 45,6 tỷ đồng và 41,8 tỷ đồng. Số tiền cổ tức là 87.304.994.600 đồng đã được thanh toán bằng tiền mặt trong năm 2012. Cũng theo Nghị quyết số 01 này, trong năm 2012, Công ty đã trích lập Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 7.385.623.351 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 16.871.370.118 đồng, Quỹ thưởng Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành Công ty với số tiền là 200.000.000 đồng, Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 14.141.393.348 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011. Ngoài ra, Quỹ đầu tư phát triển được tạm trích thêm với số tiền là 14.942.788.484 đồng từ 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, và cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2012 là 2%, năm 2011 là 2%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 24 và số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu khí hóa lỏng	4.485.641.129.114	4.080.607.052.868
Doanh thu xăng dầu nhớt	21.758.974.179	92.790.397.586
Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	7.197.290.554	11.102.561.097
Doanh thu khí CNG	889.125.495.127	749.737.490.690
Doanh thu khác	12.439.148.617	7.227.034.981
	<b>5.416.162.037.591</b>	<b>4.941.464.537.222</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	29.457.947.432	43.322.664.729
	<b>5.386.704.090.159</b>	<b>4.898.141.872.493</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn kinh doanh khí hóa lỏng	4.285.902.678.928	3.837.834.179.541
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	21.153.109.306	89.697.735.153
Phân bổ vỏ bình	17.228.473.724	24.503.944.959
Giá vốn kinh doanh khí CNG	466.756.641.885	350.374.876.053
Giá vốn hoạt động khác	609.418.814	4.733.045.122
	<b>4.791.650.322.657</b>	<b>4.307.143.780.828</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	11.189.644.121	8.869.723.137
Chi phí nhân công	69.465.070.894	80.131.588.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.039.198.844	99.969.350.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.162.507.777	179.482.177.444
Chi phí khác	9.251.067.970	10.898.353.832
	<b>414.107.489.606</b>	<b>379.351.192.966</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.537.422.949	11.300.529.985
Cổ tức được chia	91.296.460.486	18.384.425.594
Lãi chênh lệch tỉ giá thực hiện	616.626.291	1.222.194.785
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	35.682.030	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.459.654.903
	<b>102.486.191.756</b>	<b>34.366.805.267</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	92.568.390.734	92.502.972.355
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	26.820.754.050	3.870.997.448
Lỗ chênh lệch tỉ giá thực hiện	706.435.688	3.097.846.027
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	614.335.069
Lỗ do đầu tư vào công ty con	-	5.932.672.372
Chi phí hoạt động tài chính khác	118.974.540	1.081.584.622
	<b>120.214.555.012</b>	<b>107.100.407.893</b>

**29. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	18.291.410.905	15.742.398.863
Thu khác	8.509.442.112	5.628.985.883
Thu nhập khác	26.800.853.017	21.371.384.746
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	18.441.334.782	15.209.737.916
Chi khác	3.063.446.623	1.783.672.506
Chi phí khác	21.504.781.405	16.993.410.422
Lợi nhuận khác	<b>5.296.071.612</b>	<b>4.377.974.324</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	168.513.986.252	143.291.270.397
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
+ Chi phí không được khấu trừ	35.948.490.546	1.476.620.327
<i>Chi phí khấu hao vượt mức</i>	-	90.235.922
<i>Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện năm ngoài</i>	35.189.529	-
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ khác</i>	35.913.301.017	1.386.384.405
+ Thu nhập không chịu thuế	91.348.789.782	18.419.615.123
<i>Thu nhập từ cổ tức</i>	91.296.460.486	18.384.425.594
<i>Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện</i>	52.329.296	35.189.529
Tổng thu nhập chịu thuế	113.113.687.016	126.348.275.601
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế trong năm	113.113.687.016	126.348.275.601
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	12.5%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.139.210.877	12.634.827.560
Thuế TNDN bổ sung sau quyết toán	-	87.215.607
Thuế TNDN bổ sung sau kiểm toán nhà nước	-	113.094.114
Thuế TNDN bổ sung cho kinh doanh CNG năm 2009	548.630.471	2.194.521.886
Thuế TNDN bổ sung cho kinh doanh CNG năm 2011	3.158.706.890	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>17.846.548.238</b>	<b>15.029.659.167</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh khí LPG và các hoạt động khác.

(\*) Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 6 tháng 6 năm 2011, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh khí CNG là 25%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

trong suốt thời gian hoạt động, chỉ được miễn thuế một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2012 được xem là năm thứ ba hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế. Vì thế, Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 12.5% trên thu nhập chịu thuế này. Do hoạt động kinh doanh LPG và các hoạt động kinh doanh khác không có thu nhập chịu thuế nên Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 12,5% cho toàn bộ thu nhập tính thuế.

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc thuê văn phòng với thời hạn là 3 năm và lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.460.333.000	2.515.855.776
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	1.005.364.500	3.437.869.680
	<u><b>3.465.697.500</b></u>	<u><b>5.953.725.456</b></u>

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ, ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	646.149.259.095	806.957.735.771
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	251.630.371.077	235.097.611.466
Nợ thuần	394.518.888.018	571.860.124.305
Vốn chủ sở hữu	702.205.372.323	606.988.838.296
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,56</u>	<u>0,94</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	251.630.371.077	235.097.611.466
Phải thu khách hàng và phải thu khác	525.234.270.995	578.394.699.971
Các khoản ký quỹ	18.467.496.335	23.946.794.993
Các khoản cho vay	30.000.000.000	100.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>825.332.138.407</b>	<b>937.439.106.430</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	646.149.259.095	806.957.735.771
Phải trả người bán và phải trả khác	769.076.672.142	943.968.153.045
Chi phí phải trả	14.096.784.673	19.861.747.841
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	39.835.785.135	40.176.758.681
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.469.158.501.045</b>	<b>1.810.964.395.338</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Đô la Mỹ (USD)</b>	<b>171.532.326</b>	<b>245.442.150</b>	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>171.532.326</i>	<i>245.442.150</i>	-	-
<b>Euro (EUR)</b>	<b>1.000.005.087</b>	<b>165.477.275</b>	<b>29.429.044.908</b>	<b>60.432.713.264</b>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>31.128.087</i>	<i>2.501.516</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	-	<i>162.975.759</i>	-	-
<i>Phải trả người bán</i>	<i>968.877.000</i>	-	<i>985.304.115</i>	<i>3.732.943.284</i>
<i>Vay dài hạn</i>	-	-	<i>28.443.740.793</i>	<i>56.699.769.980</i>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

#### *Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Euro thay đổi 10% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm một khoản 2.842.903.982 đồng (năm 2011: tăng/giảm 6.026.723.599 đồng). Phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có hàng hưởng trọng yếu cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### *Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ tăng/giảm 25.845.970.364 đồng (2011: 32.278.309.431 đồng).

#### *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	251.630.371.077	-	251.630.371.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	525.234.270.995	-	525.234.270.995
Các khoản ký quỹ	1.829.410.091	16.638.086.244	18.467.496.335
Các khoản cho vay	-	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>778.694.052.163</b>	<b>46.638.086.244</b>	<b>825.332.138.407</b>
31/12/2012			
Các khoản vay	391.090.516.953	255.058.742.142	646.149.259.095
Phải trả người bán và phải trả khác	769.076.672.142	-	769.076.672.142
Chi phí phải trả	14.096.784.673	-	14.096.784.673
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	39.835.785.135	39.835.785.135
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.174.263.973.768</b>	<b>294.894.527.277</b>	<b>1.469.158.501.045</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(395.569.921.605)</b>	<b>(248.256.441.033)</b>	<b>(643.826.362.638)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	235.097.611.466	-	235.097.611.466
Phải thu khách hàng và phải thu	578.394.699.971	-	578.394.699.971
Các khoản ký quỹ	7.363.708.749	16.583.086.244	23.946.794.993
Các khoản cho vay	-	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>820.856.020.186</b>	<b>116.583.086.244</b>	<b>937.439.106.430</b>
31/12/2011			
Các khoản vay	311.045.425.815	495.912.309.956	806.957.735.771
Phải trả người bán và phải trả khác	943.968.153.045	-	943.968.153.045
Chi phí phải trả	19.861.747.841	-	19.861.747.841
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	40.176.758.681	40.176.758.681
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.274.875.326.701</b>	<b>536.089.068.637</b>	<b>1.810.964.395.338</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(454.019.306.515)</b>	<b>(419.505.982.393)</b>	<b>(873.525.288.908)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 33. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	2.460.111.478
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí	69.826.823	1.714.920
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	203.271.801.725	2.025.912.903
Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	1.055.211.546.515	240.266.597.726
Công ty TNHH khí hóa lỏng Việt Nam	1.033.772.901.348	989.515.280.196
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	125.117.107.493	31.668.275.725
Công ty TNHH Thương Mại và DV Dầu Khí Biển	120.747.354	-
Công ty CP vận tải dầu khí Cửu Long	289.370.310.476	-
Công ty chế biến khí Vũng Tàu	4.261.782.336	-
Công ty CP TM DV dầu khí Vũng Tàu	12.468.341.629	-
Công ty CP TM DV dầu khí Miền Trung	912.068.633	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mua hàng và dịch vụ**

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

– Công ty kinh doanh sản phẩm khí

1.564.506.203.341

1.843.461.984.997

Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam

27.634.741.818

58.905.112.727

Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam

-

11.246.217.156

Công ty Cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Vũng Tàu

465.175.913.065

350.131.766.612

Công ty TNHH MTV lọc hóa dầu Bình Sơn

2.705.237.637.103

1.813.177.969.018

Công ty CP xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí

-

15.920.319.761

Công ty Cổ phần vận tải sản phẩm khí quốc tế

-

2.851.085.905

Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam –

Công ty Cổ phần

-

46.105.883.196

Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

8.723.330.909

726.611.596

Công ty TNHH khí hóa lỏng Việt Nam

71.073.435.649

79.895.732.342

Công ty cổ phần CNG Việt Nam

8.398.675

56.122.853

Công ty CP DV vận tải dầu khí Cửu Long

4.145.135.885

-

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam

63.495.916.080

-

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

137.748.402.000

92.225.952.000

Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

100.000.000.000

100.000.000.000

**Thu lãi cho vay**

Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

6.456.666.666

-

**Thu hồi khoản cho vay**

Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

70.000.000.000

-

**Nhận cổ tức**

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam

27.500.000.000

-

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

73.541.544.406

-

**Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc**

5.640.186.892

3.585.052.579

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

31/12/2012

31/12/2011

VND

VND

**Đầu tư dài hạn khác**

Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

(cho vay)

30.000.000.000

100.000.000.000

**Phải thu**

Công Ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam

146.338.154.640

223.694.322.121

Công ty CP Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc

225.761.048

167.344.013

Công ty cổ phần CNG Việt Nam

13.958.996.822

5.228.935.994

Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

129.719.842.096

74.483.801.700

Công ty CP DV vận tải dầu khí Cửu Long

25.684.524.138

-

Công ty CP TM DV dầu khí Miền Trung

218.622.060

-

**Phải thu khác**

Công ty cổ phần CNG Việt Nam

5.687.000.000

18.385.194.000

Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

-

4.027.491.807

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dầu khí Biển

1.090.877.209

1.090.877.209

Công ty Cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam -

Chi nhánh Vũng Tàu

11.374.000.000

-

Tổng công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí

8.322.775

-

Công Ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam

6.937.553.035

-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Phải trả**

Công Ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam	593.767.992	2.156.862.459
Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	5.445.000.000	433.183.381
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- Vay dài hạn	375.000.000.000	386.375.017.633
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
- Phí sử dụng nhãn hiệu	-	2.249.243.431
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần		
– Công ty kinh doanh sản phẩm khí	222.078.317.215	400.594.392.693
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	2.796.789.441	6.184.622.941
Công ty Cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Vũng Tàu	207.837.217.224	147.400.074.566
Công ty CP xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí	-	3.768.126.145
Công ty CP DV vận tải dầu khí Cừu Long	253.553.300	-
Công ty CP Vận Tải SP khí Quốc Tế (Gas Shipping)	-	-
Công ty Bảo Hiểm DK Vũng Tàu	-	21.731.491
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	302.308.348.438	281.560.510.742
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam –		
Công ty Cổ phần	-	31.522.060
Công ty CP đầu tư và xây lắp Dầu khí Sài Gòn	326.363.054	-
Công ty CP xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí	768.126.145	-

**Phải trả khác**

Công ty cổ phần CNG Việt Nam	5.687.000.000	5.687.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	-	9.924.762.376

**34. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 2 năm 2013.



**Lưu Trọng Nghĩa**  
 Người lập biểu  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2013



**Nguyễn Đăng Trình**  
 Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuộm**  
 Tổng Giám đốc

